

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *103* /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *14* tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Căn cứ Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2392/TTr-SNV ngày 26/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy chế này.

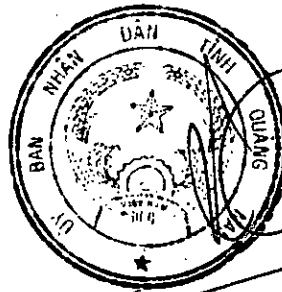
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4500/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, các đơn vị

sự nghiệp trực thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Vụ Cải cách hành chính - Bộ Nội vụ;
- Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh;
- Chủ tịch; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, HC-TC, KSTTHC (K. Phương).



CHỦ TỊCH

Đình Văn Thu

QUY CHẾ

**Đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 103 /QĐ-UBND

ngày 14/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Đánh giá toàn diện, khách quan, chính xác kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương; làm cơ sở để xem xét biểu dương, khen thưởng và xử lý, chấn chỉnh các hạn chế, vi phạm trong công tác cải cách hành chính.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính.

2. Yêu cầu

Các tiêu chí đánh giá bám sát các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ, ngành Trung ương về công tác cải cách hành chính; đồng thời, phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

4. Các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, bao gồm: Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh.

5. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các chi cục và tổ chức tương đương chi cục trực thuộc các Sở, Ban, ngành và cơ quan ngành dọc cấp tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo chính xác, thực chất, khách quan, minh bạch và công bằng trong việc đánh giá, xếp hạng.

2. Kết quả đánh giá công tác cải cách hành chính phản ánh thực chất hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG

Điều 4. Nội dung và tiêu chí đánh giá, xếp hạng

1. Nội dung và tiêu chí đánh giá kết quả cải cách hành chính của các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh bao gồm:

- a) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính;
- b) Cải cách thể chế;
- c) Cải cách thủ tục hành chính;
- d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính;
- đ) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
- e) Cải cách tài chính công;
- f) Hiện đại hóa nền hành chính;
- g) Tác động của cải cách hành chính.

2. Nội dung, tiêu chí, thang điểm chuẩn cụ thể để đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cơ quan ngành dọc cấp tỉnh tương ứng theo các Phụ lục 1, Phụ lục 1A, Phụ lục 1B, Phụ lục 2, Phụ lục 2A, Phụ lục 3, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Trên cơ sở nội dung, tiêu chí, thang điểm chuẩn nêu tại Khoản 2 Điều này, các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh tiếp thu, vận dụng các nội dung, tiêu chí phù hợp để xây dựng hệ thống tiêu chí, thang điểm phục vụ cho việc đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính của các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các chi cục và tương đương trực thuộc Sở, Ban, ngành và các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh. Cụ thể

như sau:

a) Đối với các phòng chuyên môn cấp huyện, chi cục và tương đương trực thuộc Sở, Ban, ngành: theo nội dung, tiêu chí, thang điểm của Phụ lục 3.

b) Đối với các chi cục và tương đương trực thuộc cơ quan ngành dọc cấp tỉnh: theo nội dung, tiêu chí và thang điểm của Phụ lục 2 và Phụ lục 2A.

Điều 5. Trình tự, thời gian tổ chức đánh giá, xếp hạng

1. Việc đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính được thực hiện định kỳ hằng năm.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các cơ quan chuyên môn cấp huyện; các chi cục và tổ chức tương đương trực thuộc các Sở, Ban, ngành; các đơn vị trực thuộc các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh căn cứ quy định, hướng dẫn của cơ quan cấp trên trực tiếp để tự đánh giá, xếp hạng và gửi hồ sơ cho cơ quan cấp trên trực tiếp chậm nhất ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các Sở, Ban, ngành, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp hạng của cơ quan cấp dưới, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trong hồ sơ đề nghị thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp hạng của cơ quan, đơn vị mình.

3. Các Sở, Ban, ngành, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tự đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị mình và gửi hồ sơ đề nghị thẩm định cho Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nội vụ tổng hợp*) chậm nhất ngày 15 tháng 01 năm sau liền kề.

Việc tự đánh giá, xếp hạng của các Sở, Ban, ngành, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có thể tiến hành đồng thời với quá trình tự đánh giá, xếp hạng của các cơ quan cấp dưới.

4. Hội đồng thẩm định của tỉnh tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp hạng của các Sở, Ban, ngành, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; trình Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả xếp hạng trước ngày 25 tháng 02 năm sau liền kề.

Điều 6. Tổ chức Hội đồng đánh giá kết quả cải cách hành chính

1. Thành lập Hội đồng đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính để tự đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương như sau:

- Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch Ủy ban nhân dân (làm Chủ tịch Hội đồng), các Phó Chủ tịch

Ủy ban nhân dân và các chức danh công chức chuyên môn.

- Đối với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch Ủy ban nhân dân (làm Chủ tịch Hội đồng), các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan và cán bộ, công chức chuyên trách công tác cải cách hành chính.

- Đối với các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh: Thành phần Hội đồng gồm Thủ trưởng cơ quan (làm Chủ tịch Hội đồng), lãnh đạo cấp phó cơ quan, Trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức chuyên trách công tác cải cách hành chính.

- Đối với các chi cục và tương đương trực thuộc Sở, Ban, ngành, các đơn vị trực thuộc cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định cách thức tổ chức việc tự đánh giá, xếp hạng cho phù hợp và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện, không nhất thiết phải thành lập Hội đồng đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính.

2. Ngoài các thành viên tham gia Hội đồng đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thể mời thêm các thành viên khác tham gia Hội đồng nhằm đảm bảo việc đánh giá, xếp hạng theo các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Quy chế này.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ tình hình thực tế để quyết định việc thành lập Tổ giúp việc cho Hội đồng.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng và Tổ giúp việc được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 7. Cách thức chấm điểm

1. Tổng số điểm của các nội dung cải cách hành chính theo thang điểm chuẩn là 100 điểm, bao gồm cả điểm tác động của cải cách hành chính và được làm tròn 02 chữ số.

2. Phương pháp đánh giá

a) Căn cứ thang điểm chuẩn của từng tiêu chí, các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá kết quả thực hiện để tự chấm điểm theo mức độ hoàn thành công việc. Mức điểm cho mỗi tiêu chí là điểm tối đa khi đáp ứng toàn bộ yêu cầu của tiêu chí đó và giảm trừ tương ứng theo mức độ thực hiện công việc; nhiệm vụ.

Việc tự đánh giá chấm điểm của cơ quan, đơn vị, địa phương bắt buộc phải có các tài liệu kiểm chứng kèm theo để xác định mức độ tin cậy của việc

đánh giá, chấm điểm. Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm, cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm giải trình căn cứ chấm điểm bằng văn bản kèm theo.

Trường hợp có nội dung, tiêu chí cải cách hành chính chưa được quy định, hướng dẫn triển khai hoặc do đặc thù, điều kiện thực tế không triển khai được thì không đánh giá, chấm điểm nội dung, tiêu chí đó. Tổng số điểm tối đa để đánh giá bằng 100 điểm trừ cho điểm chuẩn của các nội dung, tiêu chí không đánh giá, chấm điểm. Cơ quan, đơn vị, địa phương phải báo cáo cụ thể trong báo cáo đánh giá, xếp hạng và gửi kèm các tài liệu chứng minh.

b) Đánh giá thông qua tác động của cải cách hành chính (điều tra xã hội học): Việc cho điểm các tiêu chí này do Hội đồng đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính của cấp trên (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; phòng, chi cục, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, Ban, ngành và các cơ quan ngành dọc) hoặc Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính của tỉnh (đối với Sở, Ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định căn cứ kết quả khảo sát, đánh giá sự hài lòng hằng năm.

c) Thẩm định chuyên môn

- Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định điểm tự chấm của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với tiêu chí: Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính và các tiêu chí: Cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thẩm định điểm tự chấm của các cơ quan, đơn vị đối với tiêu chí: Cải cách thể chế.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định điểm tự chấm của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với tiêu chí: Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định điểm tự chấm của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với tiêu chí: Cải cách tài chính công.

- Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm thẩm định điểm tự chấm của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với tiêu chí: Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước.

- Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thẩm định điểm tự chấm

của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với tiêu chí: Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001.

Điều 8. Thẩm định kết quả tự đánh giá Chỉ số cải cách hành chính

1. Hội đồng đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính của các Sở, Ban, ngành; các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp hạng của cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp, công bố công khai kết quả xếp hạng theo thẩm quyền.

2. Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính của tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp hạng của các Sở, Ban, ngành; các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

a) Thành phần Hội đồng gồm:

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng;
- Giám đốc Sở Nội vụ: Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng;
- Đại diện lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Thành viên;
- Đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp: Thành viên;
- Đại diện lãnh đạo Sở Tài chính: Thành viên;
- Đại diện lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông: Thành viên;
- Đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: Thành viên;
- Trưởng phòng Cải cách hành chính Sở Nội vụ: Thư ký.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập và quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính của tỉnh.

b) Tổ giúp việc của Hội đồng do Giám đốc Sở Nội vụ làm Tổ trưởng, các thành viên khác là cán bộ, chuyên viên các cơ quan có thành viên tham gia Hội đồng thẩm định. Danh sách thành viên của Tổ giúp việc do Giám đốc Sở Nội vụ quyết định sau khi thống nhất với các cơ quan liên quan.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kinh phí hoạt động của Hội đồng và Tổ giúp việc.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định của các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Sở

Nội vụ tổng hợp, trình Hội đồng thẩm định của tỉnh bao gồm:

a) Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính;

b) Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính.

c) Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo Bảng tổng hợp để phục vụ công tác thẩm định gồm có: Các kế hoạch, quyết định, báo cáo, các văn bản chỉ đạo, số liệu, thông tin... làm căn cứ chứng minh việc chấm điểm các tiêu chí. Tài liệu kiểm chứng được hệ thống, lập danh mục theo nhóm tương ứng với tiêu chí, tiêu chí thành phần, đảm bảo tính khoa học, thuận lợi cho việc tra cứu, chứng minh.

Đối với những tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng thì phải được diễn giải đầy đủ, cụ thể cách đánh giá, chấm điểm.

d) Biên bản họp Hội đồng đánh giá, chấm điểm kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Các căn cứ để thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm

a) Các chương trình, kế hoạch, quy định, chỉ đạo của cấp trên về cải cách hành chính;

b) Hồ sơ đề nghị thẩm định của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Khoản 3 Điều này;

c) Kết quả thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về công tác cải cách hành chính và các lĩnh vực công tác có liên quan;

d) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác ngành, lĩnh vực và các báo cáo khác có liên quan;

đ) Kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức; kết quả điều tra xã hội học khác có liên quan và thông tin qua đường dây nóng đã được xác minh, thẩm tra (nếu có);

e) Các nguồn khác.

Các Sở, Ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh vận dụng phù hợp các căn cứ trên để tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp hạng của các cơ quan, đơn vị cấp dưới.

5. Cách thức thẩm định hồ sơ, công bố kết quả

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa

phương mình theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy chế này và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá được thể hiện tại cột “Điểm tự chấm”.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ đề nghị thẩm định về Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính của tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) chậm nhất ngày 15 tháng 12 hàng năm.

b) Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định kết quả, đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính của tỉnh tiến hành tổng hợp, thẩm định điểm tự đánh giá, chấm điểm kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị dựa theo báo cáo tự đánh giá của cơ quan, đơn vị và các căn cứ thẩm định nêu tại Khoản 4 Điều này.

Trong quá trình thẩm định, nếu có tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đủ cơ sở công nhận điểm tự chấm, thành viên Tổ giúp việc báo cáo Tổ trưởng Tổ giúp việc. Tổ trưởng Tổ giúp việc có văn bản đề nghị cơ quan, đơn vị, địa phương bổ sung tài liệu kiểm chứng hoặc giải trình cách chấm điểm. Nếu tài liệu kiểm chứng hoặc báo cáo giải trình bổ sung không phù hợp, gửi quá hạn, Tổ giúp việc quyết định điểm số và báo cáo Hội đồng thẩm định. Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không đề nghị giải trình hoặc bổ sung tài liệu kiểm chứng, Tổ giúp việc công nhận điểm tự chấm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tổ giúp việc tổng hợp kết quả thẩm định, báo cáo Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính.

c) Hội đồng thẩm định tổ chức họp để xem xét, phê duyệt kết quả xếp hạng công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố kết quả xếp hạng công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 9. Chỉ số cải cách hành chính và xếp hạng kết quả cải cách hành chính

1. Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng, Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng công thức như sau:

$$\text{PAR INDEX} = \frac{p}{P} \times 100\%$$

Trong đó: PAR INDEX: Chỉ số cải cách hành chính (%)

p: Điểm đạt được sau thẩm định

P: Điểm tối đa theo thang điểm chuẩn

2. Căn cứ Chỉ số cải cách hành chính mà mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương đạt được, thực hiện việc xếp hạng kết quả cải cách hành chính hằng năm như sau:

- Cơ quan, đơn vị, địa phương được xếp hạng tốt: Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 85% đến 100%.

- Cơ quan, đơn vị, địa phương được xếp hạng khá: Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 75% đến dưới 85%.

- Cơ quan, đơn vị, địa phương được xếp hạng trung bình: Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60% đến dưới 75%.

- Cơ quan, đơn vị, địa phương được xếp hạng yếu: Chỉ số cải cách hành chính thấp hơn 60%.

3. Cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ đề nghị thẩm định sau thời hạn quy định tại Điều 5 Quy chế này nhưng chưa quá 05 ngày thì cứ mỗi ngày bị trừ 01 điểm. Cơ quan, đơn vị, địa phương không gửi hồ sơ đề nghị thẩm định hoặc gửi hồ sơ trễ hạn quá 05 ngày thì xếp hạng yếu.

Ngày gửi hồ sơ được xác nhận là ngày cơ quan cấp trên trực tiếp hoặc Sở Nội vụ nhận được văn bản đến. Nếu ngày kết thúc thời hạn là ngày nghỉ thì được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Hồ sơ đề nghị thẩm định được gửi đồng thời bằng văn bản giấy và văn bản điện tử.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quy chế này trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu, theo dõi các nội dung cải cách hành chính theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp tình hình, kết quả triển khai cải cách hành chính đối với lĩnh vực được phân công phụ trách, tích cực phối hợp với Sở Nội vụ trong việc thẩm định, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

3. Căn cứ kết quả xếp hạng công tác cải cách hành chính hằng năm, quyết định việc khen thưởng theo thẩm quyền và chấn chỉnh, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, đề ra các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng,

hiệu quả công tác cải cách hành chính.

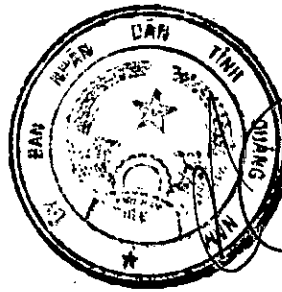
Điều 11. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện và đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp phù hợp để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Căn cứ kết quả xếp hạng được công bố, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính và kiến nghị chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương còn nhiều hạn chế hoặc vi phạm các quy định, chỉ đạo về cải cách hành chính.

Điều 12. Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam, Báo Quảng Nam phối hợp chặt chẽ với Hội đồng thẩm định, Sở Nội vụ trong việc tuyên truyền kết quả công tác cải cách hành chính hằng năm, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc và chủ động phát hiện, cung cấp các thông tin, tài liệu góp phần phục vụ công tác thẩm định của Hội đồng.

Điều 13. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.



CHỦ TỊCH

Đình Văn Thu